

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 659/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Lê Trung T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Bà Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1987; Địa chỉ: 183 Đường T, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông T và bà Th tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2010, quyển số 01/2009KH ngày 16/9/2010.

Quá trình sống chung, khoảng thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau một thời gian dài chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do lối sống không phù hợp, bất đồng quan điểm nên giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay hai bên nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông T và bà Th yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] *Về quan hệ con chung:* Ông T và bà Th xác nhận 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 17/01/2013. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận bà Th nuôi con chung và ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

[3] *Về quan hệ tài sản chung:* Ông T và bà Th tự thỏa thuận không yêu cầu

Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Ông T và bà Th xác nhận không có nợ chung

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung T và bà Lê Thị Thanh Th thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Lê Trung T và bà Lê Thị Thanh Th theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2010, quyển số 01/2009KH do Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/9/2010 cho ông T và bà Th chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Thanh Th trực tiếp nuôi trẻ Lê Đăng K, sinh ngày 17/01/2013; ông Lê Trung T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 mỗi tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 10/2020 và chấm dứt theo Điều theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Địa điểm thi hành: Tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông T và bà Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Ông T và bà Th xác nhận không có nợ chung.

**2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm:** Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông T và bà Th chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà T và bà Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0070819 ngày 19/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Huỳnh Ngọc Quyên**